

Bản án số: 03/2026/HS-ST
Ngày 14/01/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thân – Giáo viên nghỉ hưu
Bà Phạm Thị Diệu Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bằng Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Trần Lê Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại Toà án nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 87/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nông Văn H**, sinh ngày 11/9/2002, tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Thái Nguyên; Số CCCD: 019202003485 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/3/2023; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; giới tính: Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Trần Văn T, sinh năm 1972; con bà Nông Thị V, sinh năm 1979; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Cháu Tạ Mạnh Q, sinh năm 2009

Người đại diện hợp pháp: Bà Tạ Thị T1, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn M, sinh năm 2002; Địa chỉ: TDP M, phường P, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

+ Chị Tạ Thị H1, sinh năm 2001; Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

+ Chị Nông Thị V, sinh năm 1979; Địa chỉ: TDP H, phường T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

Người làm chứng: Anh Phạm Mạnh H2, sinh năm 1972; Địa chỉ: TDP E T,

phường B, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 24/6/2025, anh Tạ Mạnh Q điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, màu ghi bạc, mang Biển kiểm soát (BKS) 20AF-009.25 đến quán I tại địa chỉ: Tổ dân phố E T, phường B, tỉnh Thái Nguyên để chơi điện tử. Khoảng 9 giờ cùng ngày, Nông Văn H đi qua khu vực để xe của quán để đi vệ sinh thì phát hiện chiếc xe mô tô của anh Q đang có chìa khóa cắm ở ổ khóa xe. Lúc này, H quan sát thấy không có người trông xe nên đã nảy sinh ý định trộm chiếc xe mô tô trên. Thực hiện ý định trên H tiến lại gần lấy trộm và điều khiển xe mô tô trên từ quán I đi về nhà H tại tổ dân phố H, phường T, tỉnh Thái Nguyên, rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô trên đến quán T-Bank của anh Trần Văn M tại địa chỉ TDP T, phường P, tỉnh Thái Nguyên mục đích cầm cố chiếc xe mô tô trộm cắp được cho anh M để lấy tiền tiêu sài. Tại đây, H hỏi anh M cầm chiếc xe được bao nhiêu thì M trả lời là 1.500.000 đồng, H đồng ý. Anh M lấy từ trong túi quần số tiền 1.500.000 đồng (gồm 3 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng) đưa cho H. H cầm số tiền trên rồi thuê xe Taxi đến quán I1 tại địa chỉ TDP B, phường P, tỉnh Thái Nguyên chơi điện tử và chi tiêu cá nhân.

Sau khi phát hiện xe mô tô của mình bị mất trộm anh Q đã nhờ ông Phạm Mạnh H2 là chủ quán kiểm tra camera thì được ông H2 cho biết Camera của quán đã bị hỏng. Anh Q đã không trình báo ngay mà đến đầu tháng 9/2025, ông H2 báo cho anh Q biết có người xác nhận nhìn thấy Nông Văn H đã điều khiển xe mô tô của anh Q đi trên đường. Sau đó, anh Q đã cùng ông Tạ Văn Ú (bố đẻ Q) đến Công an phường B để trình báo sự việc. Ngày 13/9/2025, Công an phường B tiến hành thu giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, màu ghi bạc, mang BKS 20AF-009.25 do H trộm cắp tại quán T-Bank của anh Trần Văn M.

Về nguồn gốc của chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, mang BKS 20AF-009.25. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên mang tên Tạ Thị H1 là chị gái ruột của anh Tạ Mạnh Q. Chị H1 khai, chiếc xe mô tô trên chị đã tặng cho anh Q quản lý, sử dụng vào khoảng tháng 8/2020.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 3614/KL-HĐĐG ngày 29/9/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong Tổ tụng hình sự tỉnh Thái Nguyên, kết luận: “Xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, số loại 50C3, mang biển kiểm soát: 20AF-009.25, màu sơn Ghi Bạc, số khung: RPEVCB4PEHA408223, số máy: 39FMB3408223, dung tích xilanh 49,5cm³, sản xuất năm 2017, sản xuất và lắp ráp trong nước, xe đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm tháng 6 năm 2025 là 4.533.000 đồng”

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, mang BKS 20AF-009.25, màu sơn ghi bạc, đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Tạ Mạnh Q quản lý, sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Q đã nhận lại tài sản bị mất nên không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị can H. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nông Thị V là mẹ của bị cáo H đã trả tiền

cho anh Trần Văn M số tiền là 1.500.000 đồng, anh M đã nhận số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số 28/ CT – VKS ngày 05/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nông Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa Nông Văn H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Đại diện Viện kiểm sát luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 06 – 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 – 18 tháng. Và đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về vật chứng: Đã trả lại cho bị hại, về trách nhiệm dân sự các bên không yêu cầu giải quyết do đó không đặt ra xem xét.

Bị cáo Nông Văn H không tranh luận, không bào chữa, thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình đúng như Kết luận điều tra và Cáo trạng truy tố, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng trong giai đoạn điều tra và truy tố. Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thái Nguyên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, vật chứng thu giữ, kết luận trưng cầu giám định và các tài liệu, chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ cơ sở xác định: Khoảng 9 giờ ngày 24/6/2025, tại quán I thuộc tổ dân phố E T, phường B, tỉnh Thái Nguyên, Nông Văn H đã thực hiện hành vi trộm cắp của anh Tạ Mạnh Q chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, màu ghi bạc, BKS 20AF-009.25, có trị giá 4.533.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Hành vi của bị cáo H đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thái Nguyên truy tố, luận tội là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá về tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nông Văn H:

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Nhà nước bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Trong vụ án không có đồng phạm khác.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo sinh ra trong gia đình lao động, gia đình **có 2 chị em**, bị cáo là con thứ 2, chưa có vợ con. Bị cáo còn trẻ tuổi, nhưng có biểu hiện ham chơi, không chịu rèn luyện bản thân.

Trong vụ án này, bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, tính chất hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi sinh sống ổn định rõ ràng, xét thấy viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo là phù hợp, đủ sức răn đe giáo dục đối với bị cáo, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

[5] Đối với trách nhiệm dân sự và vật chứng: Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Xe mô tô đã được trả lại cho anh Q là đúng quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[6] Trong vụ án này, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[7] Các vấn đề khác: Đối với anh Trần Văn M là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô nhưng anh M không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có do đó không xem xét xử lý hành vi của anh M là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 326/

2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Hình phạt: Xử phạt Nông Văn H 09 (chín) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường T, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Giao cho công an phường T, tỉnh Thái Nguyên trực tiếp giúp UBND phường T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục người được hưởng án treo trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Nếu người được hưởng án treo phải thực hiện nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo quy định của Luật thi hành án hình sự, trường hợp cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Giải quyết trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

2. Về án phí: Bị cáo Nông Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực 2;
- Công an phường Trung Thành;
- UBND phường Trung Thành
- Phòng THADS Khu vực 2;
- Bộ phận THAHS
- Sở Tư pháp
- Bị cáo, người TGGT khác;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Loan

